

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2021

V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hữu Tường

Ông Hoàng Đình Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (Có mặt)

Trú tại: Thôn Trung T, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Anh Lê Đình S, sinh năm 1980 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn Trung T, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Xuyên Hà Tĩnh II - Phòng giao dịch C; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quốc N - Giám đốc Phòng giao dịch C (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Đ - Phó giám đốc (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị H tại phiên tòa, vụ án có nội dung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Khi về chung sống, hai bên tổ lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Hai người chung sống H phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, anh S xúc phạm và coi thường chị. Chị và anh

S sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh S nên yêu cầu Tòa án công nhận chị và anh Lê Đình S không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S có 03 con chung là Lê Xuân T, sinh ngày 12/6/2001; Lê Văn C, sinh ngày 09/12/2003 và Lê Đình Đ, sinh ngày 14/5/2019. Hiện con Lê Xuân T đã trưởng thành, có khả năng lao động nên vấn đề nuôi con không đặt ra. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Văn C và Lê Đình Đ, yêu cầu anh Lê Đình S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Lê Đình Đ mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh S tạo lập được một số tài sản chung và có một số nợ chung, hai người tự thỏa thuận phân chia và lập biên phân chia tài sản chung, nợ chung ngày 22/4/2021 đề nghị Tòa án ghi nhận vào Bản án, cụ thể:

- Giao cho anh Lê Đình S được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 01 thửa đất có diện tích 513,4m² (trong đó đất ở 150m², đất trồng cây lâu năm 363,4m²) thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 5, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện C cấp giấy CNQSDĐ ngày 01/02/2016 mang tên Lê Đình S và Nguyễn Thị H.

- Anh Lê Đình S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm Xuyên Hà Tĩnh II - Phòng giao dịch C số tiền 150.000.000đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo Hợp đồng tín dụng số 3705-LAV-201907709 ngày 15/10/2019.

- Anh Lê Đình S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo Sổ vay vốn số 161518.

- Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ đưa lại cho anh Lê Đình S 35.000.000đồng là số tiền chênh lệch về khoản nợ mà anh S phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Cẩm Xuyên.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải bị đơn anh Lê Đình S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất như trình bày của chị H về việc anh và chị H chung sống với nhau như vợ chồng. Từ năm 2019 đến nay hai người sống ly thân do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Nay anh cũng không còn tình cảm với chị H nên nhất trí như ý kiến chị H về việc yêu cầu Tòa án công nhận anh và chị H không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung như chị H trình bày. Anh đồng ý nhường 02 con là Lê Văn C và Lê Đình Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con Lê Đình Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Con Lê Xuân T đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H có một số tài sản chung và nợ chung, hai người tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung như trong biên bản thỏa thuận ngày 22/4/2021 và đề nghị Tòa án ghi nhận vào Bản án.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Xuyên Hà Tĩnh II - Phòng giao dịch C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng chấp nhận sự thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S về việc anh Lê Đình S trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm Xuyên Hà Tĩnh II - Phòng giao dịch C số tiền gốc 150.000.000đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo Hợp đồng tín dụng số 3705-LAV-201907709 ngày 15/10/2019 đã ký kết giữa anh Lê Đình S và Ngân hàng.

Hiện Ngân hàng đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 38, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện C cấp giấy CNQSDĐ ngày 01/02/2016 mang tên Lê Đình S và Nguyễn Thị H. Ngân hàng cung cấp bản sao giấy CNQSDĐ và Hợp đồng tín dụng 3705-LAV-201907709 để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng chấp nhận sự thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S về việc anh Lê Đình S trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C số tiền gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo Sổ vay vốn số 161518. Ngân hàng cung cấp bản sao Sổ vay vốn số 161518 để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại UBND xã Cẩm T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S được UBND huyện C cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa số 38, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 5, xã Cẩm T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện Cẩm Xuyên cấp giấy CNQSDĐ ngày 01/02/2016. Từ trước đến nay chị H và anh S thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; chưa thực hiện giao dịch nào liên quan đến quyền sử dụng đất và thửa đất này không có ai tranh chấp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a, d Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc không công nhận là vợ chồng với anh Lê Đình S; Về con chung: Giao con Lê Văn C và Lê Đình Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con Lê Đình Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Con Xuân T đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản, nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh S về việc phân chia tài sản chung, nợ chung như biên bản thỏa thuận ngày 22/4/2021 đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án; Về án

phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm; buộc anh Lê Đình S phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng với anh Lê Đình S, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Đình S có nơi cư trú tại thôn Trung Thành, xã Cẩm T, huyện C Xuyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án họ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ năm 2019 đến nay chị H và anh S sống ly thân, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh S xúc phạm và coi thường chị, nay hai người không còn tình cảm với nhau nên việc chị H yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh S là có căn cứ.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng ...”. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nay cả hai không còn tình cảm và không muốn tiếp tục sống chung với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S thống nhất có 03 con chung là Lê Xuân T, sinh ngày 12/6/2001; Lê Văn C, sinh ngày 09/12/2003 và Lê Đình Đ, sinh ngày 14/5/2019. Nguyên vọng của chị H muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Văn Vinh và Lê Đình Đ đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Đại mỗi tháng 1.000.000đồng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Đình S đồng ý giao hai con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chấp nhận cấp dưỡng nuôi cháu Đại mỗi tháng 1.000.000đồng như yêu cầu của chị H. Mặt khác, hiện nay chị H là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Chinh và cháu Đại; cháu Chinh đã trên 07 tuổi và có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ, cháu Đại dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Văn C và Lê Đình Đ cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Lê Đình S có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng. Con Xuân T đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động, sống tự lập nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S thống nhất trong quá trình chung sống đã tạo lập được một số tài sản chung, nợ chung, chị H

và anh S tự thỏa thuận phân chia như trong biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung ngày 22/4/2021 và đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án, quyết định. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội. Mặt khác, việc thỏa thuận này được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Xuyên Hà Tĩnh II - Phòng giao dịch C và Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C chấp nhận. Vì vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự vào Bản án theo yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung và lập biên bản phân chia, được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp nhận trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên các đương sự không phải chịu án phí chia tài sản. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a, d Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S.

2. Về con chung: Giao con Lê Văn C, sinh ngày 09/12/2003 và Lê Đình Đ, sinh ngày 14/5/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Đình S có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Lê Đình Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Con Lê Xuân T đã đủ tuổi trưởng thành nên vấn đề nuôi con không đặt ra.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình S về việc phân chia tài sản chung, trả nợ chung như trong biên bản thỏa thuận lập ngày 22/4/2021, cụ thể như sau:

- Giao cho anh Lê Đình S được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 01 (Một) thửa đất có diện tích 513,4m² (trong đó đất ở 150m², đất trồng cây lâu năm 363,4m²) thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn 5, xã Cẩm T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh được UBND huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy CNQSDĐ ngày 01/02/2016 mang tên Lê Đình S và Nguyễn Thị H.

- Anh Lê Đình S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cẩm Xuyên Hà Tĩnh II - Phòng giao dịch C số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh hàng tháng

theo Hợp đồng tín dụng số 3705-LAV-201907709 ngày 15/10/2019.

- Anh Lê Đình S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh hàng tháng theo Sổ vay vốn số 161518 được ký kết giữa Ngân hàng với anh Lê Đình S.

- Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ đưa lại cho anh Lê Đình S 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) là số tiền chênh lệch về khoản nợ mà anh Lê Đình S phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Lê Đình S có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005741 ngày 22/4/2021, tiền án phí chị H đã nộp đủ. Anh Lê Đình S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Xuyên;
- UBND xã Cẩm T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

